

Bản án số: 77/2026/HNGĐ-ST

Ngày 19 tháng 3 năm 2026

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Ngô Huỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Trường

2. Ông Đặng Thành Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tấn Phát – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ. Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 132/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2026/QĐST - HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Trần Hoài T, sinh năm 2002 (có mặt)

Trú tại: ấp T, xã Đ, thành phố Cần Thơ

- Bị đơn: Anh Lê Thanh T1, sinh năm 2001 (vắng mặt)

Trú tại: ấp A, xã T, thành phố Cần Thơ

Hiện đang tạm giam tại Phân trại tạm giam N, Trại tạm giam số 1 thành phố Cần Thơ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Tuyết N (có mặt)

Trú tại: ấp A, xã T, thành phố Cần Thơ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Trần Hoài T trình bày: Chị và anh Lê Thanh T1 quen biết, tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân,

đăng ký kết hôn năm 2022. Có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống. Thời gian đầu hạnh phúc, nhưng sau đó bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, không thể hàn gắn. Do tình cảm không còn chỉ Thương yêu C ly hôn.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Ngoài ra chị T còn có nợ bà Trần Thị Tuyết N là mẹ chồng của chị 30.000.000 đồng, chị đồng ý trả số tiền này.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/01/2026 tại trại giam bị đơn anh Lê Thanh T1 trình bày: Anh và chị T có tiến tới hôn nhân và chung sống như chị T trình bày. Vợ chồng không có mâu thuẫn gì, anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: có vàng cưới, nhưng anh T1 không khai là bao nhiêu và không có yêu cầu gì.

Về nợ chung: anh T1 khai có nợ Ngân hàng, nhưng anh không nhớ Ngân hàng nào. Ngoài ra chị T còn thiếu nợ của mẹ ruột anh là bà Trần Thị Tuyết N 30.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án anh T1 từ chối nhận các văn bản của Tòa án, được trại giam xác nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Tuyết N1 trình bày: Vào khoảng năm 2023, chị T có mượn của bà số tiền 30.000.000 đồng, không có biên nhận, mục đích mượn để lo cho gia đình bên chị T. Nay bà N yêu cầu chị T trả cho bà 30.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn anh Lê Thanh T1 hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1, thành phố Cần Thơ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của anh T1 tại trại giam theo quy định. Đối với các văn bản tố tụng của Tòa án, đã tổ chức giao cho anh T1 nhưng anh T1 từ chối nhận, việc từ chối nhận văn bản tố tụng của anh T1 đã được trại giam lập biên bản xác nhận.

Xét thấy việc anh T1 từ chối nhận văn bản tố tụng là hành vi tự mình từ bỏ quyền được biết và tham gia tố tụng của đương sự, không phải là trở ngại khách quan làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt và

có tổng đạt cho người thân của anh T1 nhận thay, các văn bản tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng anh T1 vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Thanh T1 theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Trần Hoài T và anh Lê Thanh T1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn năm 2022 theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không còn tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn. Anh T2 cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn và không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ. Tuy nhiên, qua xác minh và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện anh T2 hiện đang bị giam giữ tại trại giam, vợ chồng không còn chung sống cùng nhau, đời sống chung không còn được duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh T2 từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, điều này thể hiện việc hợp tác trong quá trình giải quyết vụ án không được thực hiện đầy đủ, dẫn đến việc hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng không thể thực hiện được. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh T2 đã kéo dài, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Trần Hoài T đối với anh Lê Thanh T1.

[3] Về con chung: Các đương sự thống nhất xác định không có con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T2 có trình bày có vàng cưới nhưng không xác định được số lượng, không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này các bên có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về nợ chung: Anh T2 trình bày vợ chồng có nợ Ngân hàng nhưng không xác định được Ngân hàng nào, không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh và cũng không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Khi có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Đối với khoản tiền 30.000.000 đồng mà chị T mượn của bà Trần Thị Tuyết N: Quá trình giải quyết vụ án bà N xác định vào năm 2023 chị T có mượn của bà số

tiền 30.000.000 đồng, mục đích để lo cho gia đình bên chị T. Chị T thừa nhận có mượn số tiền trên và đồng ý trả lại cho bà N. Đây là sự thỏa thuận, thừa nhận nghĩa vụ của đương sự, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó, buộc chị Nguyễn Trần Hoài T có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Tuyết N số tiền 30.000.000 đồng.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Trần Hoài T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng; đồng thời phải chịu án phí dân sự đối với nghĩa vụ trả tiền cho bà Trần Thị Tuyết N là 1.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Trần Hoài T và anh Lê Thanh T1 được ly hôn.

- Về con chung: Không có, nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Về nợ chung: Không ai yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

Về nợ của chị Nguyễn Trần Hoài T: Buộc chị Nguyễn Trần Hoài T phải trả cho bà Trần Thị Tuyết N 30.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Trần Hoài T phải chịu 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tạm ứng theo biên lai số 0006048 ngày 16/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị T đã đóng xong án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Trần Hoài T phải chịu 1.500.000 đồng. Bà Trần Thị Tuyết N được nhận lại 750.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0010279 ngày 19/11/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Ngô Huỳnh